

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 288/2019/HSPT

Ngày 24-9-2019

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Đức.

Các Thẩm phán: 1. Ông Nguyễn Duy Thuần.

2. Bà Trần Thị Phụng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Nam - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 258/2019/TLPT-HS ngày 05 tháng 8 năm 2019, đối với bị cáo Đỗ Thị G về tội “*Không chấp hành án*”, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án số 40/2019/HSST ngày 01/7/2019, của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: Đỗ Thị G; sinh năm 1956, tại tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn E, xã T, huyện N, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Ích T1 (Chết) và bà Đỗ Thị C (Chết); có chồng là Cao Văn T2 (Chết) và 06 con (Lớn nhất sinh năm 1980, nhỏ nhất sinh năm 1994); tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại, có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Tiên T3, Luật sư Văn phòng luật sư K thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt có gửi luận cứ bào chữa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2009, ông Cao Văn T2 viết giấy tay chuyển nhượng thửa đất số 98^b, tờ bản đồ số 70 có diện tích 3.050m², ở thôn E, xã T, huyện N thuộc quyền sử dụng của vợ chồng ông Cao Văn T2, bà Đỗ Thị G cho vợ chồng ông Cao Văn K1, bà Nguyễn Thị L. Việc chuyển nhượng đã hoàn tất thủ tục sang tên vào năm 2010.

Năm 2013, giữa ông Cao Văn T2 và ông Cao Văn K1 có tranh chấp việc chuyển nhượng thửa đất trên. Ngày 10/5/2013, TAND huyện Krông Năng ban hành Quyết định CNSTT số 35, công nhận Hợp đồng chuyển nhượng, ông Cao Văn K1 được quyền sử dụng thửa đất trên. Năm 2014, ông Cao Văn T2 khiếu nại đối với Quyết định CNSTT số 35. Ngày 28/7/2014, Chánh án TAND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định kháng nghị GĐT hủy Quyết định CNSTT số 35 nói trên.

Tuy nhiên, trước khi Quyết định CNSTT số 35 bị kháng nghị giám đốc thẩm, do ông Cao Văn K1, bà Nguyễn Thị L không đủ điều kiện để thi hành bản án đã có hiệu lực pháp luật, nên Chi cục thi hành án dân sự huyện N đã cưỡng chế bán đấu giá tài sản của ông K1 và bà L là thửa đất nói trên. Ngày 24/4/2014, ông Hoàng Văn T4 là người mua trúng đấu giá. Ngày 15 tháng 7 năm 2014, Chi cục Thi hành án dân sự huyện N tổ chức cưỡng chế giao tài sản cho ông T4. Bà Đỗ Thị G có đơn xin ở lại một thời gian, hẹn đến tháng 11/2014, sẽ trả tài sản và được ông T4 đồng ý. Trong thời gian này, ông Cao Văn T2 và bà Đỗ Thị G khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông Cao Văn K1, bà Nguyễn Thị L.

Tại bản án số 14/2015/DSST ngày 02 tháng 10 năm 2015, của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk tuyên xử :

1. ...

2. Công nhận ông Hoàng Văn T4 được sở hữu thửa đất số 98^b, tờ bản đồ số 70. Buộc bà Đỗ Thị G và các con phải giao cho ông Hoàng Văn T4 toàn bộ tài sản mà Tòa án công nhận.

Không đồng ý với nội dung bản án, bà Đỗ Thị G kháng cáo. Ngày 15 tháng 3 năm 2016, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm số 15/2016/QĐ-PT.

Ngày 21 tháng 10 năm 2016, ông Hoàng Văn T4 được Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Đắk Lắk cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 30 tháng 11 năm 2016, Chi cục thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Đắk Lắk tiếp tục tổ chức cưỡng chế giao tài sản cho ông T4 nhưng bà G không đồng ý mà có đơn đề nghị xem xét bản án số 14/2015/DSST ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng và quyết định đình chỉ của TAND tỉnh Đắk Lắk theo trình tự giám đốc thẩm. Ngày 18 tháng 10 năm 2018, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội có thông báo số 281/TB-TA về việc không có căn cứ kháng nghị.

Mặc dù bản án đã có hiệu lực pháp luật và bà Đỗ Thị G có đủ điều kiện để thi hành án nhưng bà G không chịu thi hành án vì cho rằng các cơ quan chức năng làm sai (Bà không chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông K1 và bà L).

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 40/2019/HSST ngày 01/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Đỗ Thị G phạm tội “*Không chấp hành án*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 380; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Đỗ Thị G 12 (Mười hai) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 (Hai mươi bốn) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 08/7/2019, bị cáo Đỗ Thị G kháng cáo toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm số 40/2019/HSST ngày 01/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện N.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và khẳng định: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Đỗ Thị G về tội “*Không chấp hành án*” theo khoản 1 Điều 380 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Vì vậy, đề nghị HĐXX căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đỗ Thị G. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 40/2019/HSST ngày 01/7/2019, của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

Tại bản luận cứ, Luật sư bào chữa cho rằng: Bị cáo không chấp hành án chỉ có một lần vì lần một bị cáo đồng ý giao tài sản và có đơn xin ở lại, được ông T4 đồng ý. Sau khi có thông báo của Tòa án cấp cao tại Đà Nẵng, thì ông T4 không có yêu cầu thi hành án, nên đề nghị Hội đồng xét xử trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

Bị cáo không bào chữa, tranh luận gì về hành vi phạm tội của mình và chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Qua đó thể hiện: Ngày 24/4/2014, ông Hoàng Văn T4 là người mua trúng đầu giá thửa đất 98^b, tờ bản đồ số 70. Ngày 15/7/2014, Chi cục Thi hành án huyện N cưỡng chế giao tài sản cho ông T4, ông T2 có đơn xin ở lại, hẹn đến tháng 11/1014 sẽ trả nhưng không trả mà làm đơn khởi kiện tranh chấp Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Việc tranh chấp đã được giải quyết tại Bản án số 14/2015/DSST ngày 02 tháng 10 năm 2015, của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng và Quyết định Đình chỉ giải quyết vụ án của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Sau khi bản án có

hiệu lực thi hành, ngày 14/4/2016, ông Hoàng Văn T4 tiếp tục làm đơn yêu cầu thi hành án. Ngày 06/5/2016, Chi cục Thi hành án huyện N ban hành Quyết định thi hành án số 693 theo đơn yêu cầu, và đã giao cho bà G Quyết định thi hành án vào cùng ngày. Ngày 16//2016, bà G xin hoãn việc giao đất vì đang gửi đơn đề nghị xem xét bản án số 14/2015/DSST theo trình tự Giám đốc thẩm. Ngày 16/9/2016, Thi hành án huyện N ban hành Quyết định cưỡng chế giao đất. Quyết định cưỡng chế cũng đã được giao cho bà G vào cùng ngày. Ngày 30/11/2016, Thi hành án huyện N tiến hành cưỡng chế giao tài sản cho ông Hoàng Văn T4. Tuy nhiên, bà G không chấp hành mà vẫn tiếp tục sử dụng đất, thu hoạch cà phê. Tại Biên bản hiện trường ngày 04/12/2016, do Công an viên và Trưởng thôn lập thể hiện: Bà G thu hoạch cà phê.

Đến ngày 18/10/2018, Tòa án nhân dân Cấp cao tại Đà Nẵng có thông báo không có căn cứ kháng nghị theo thủ tục Giám đốc thẩm theo đơn đề nghị của bà Đỗ Thị G. Như vậy, mặc dù Bản án giải quyết tranh chấp đối với thửa đất số 98^b, tờ bản đồ số 70 đã có hiệu lực pháp luật, bà Đỗ Thị G đã bị cưỡng chế thi hành án nhưng không chịu thi hành án, đến thời điểm Cơ quan tiến hành tố tụng ban hành Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can, ban hành kết luận điều tra, Cáo trạng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo vẫn không đồng ý thi hành bản án dân sự sơ thẩm. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Đỗ Thị G về tội “*Không chấp hành án*” theo khoản 1 Điều 380 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Kháng cáo kêu oan của bị cáo Đỗ Thị G là không có căn cứ chấp nhận. Cần giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt.

[2] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do không được chấp nhận kháng cáo nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Không chấp nhận đơn kháng cáo kêu oan của bị cáo Đỗ Thị G. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số: 40/2019/HSST ngày 01/7/2019, của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

Áp dụng khoản 1 Điều 380; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Đỗ Thị G 12 (Mười hai) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo về tội “*Không chấp hành án*”. Thời gian thử thách là 24 (Hai mươi bốn) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

[2] Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Bị cáo Đỗ Thị G phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Văn phòng CQCSĐT CA tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp;
- TAND huyện Krông Năng;
- VKSND huyện Krông Năng;
- Công an huyện Krông Năng;
- Chi cục THADS huyện N;
- T.H.A.HS Công an huyện Krông Năng;
- Bị cáo;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Đức